

Trà Cú, ngày 08 tháng 11 năm 2023

Số: 54/2023/QĐST - DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 35/2021/TLST- DS ngày 23 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Thạch T, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh P là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Thạch H, sinh năm 1976 (chết)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Diệp Minh T1 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:*

1. Bà Kim Thị C, sinh năm 1977

2. Anh Thạch Hoàng T2, sinh năm 1999

Người đại diện theo ủy quyền của anh Thạch Hoàng T2: Bà Kim Thị C, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Thạch V, sinh năm 1931

Cùng địa chỉ: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người phiên dịch Tiếng khmer:* Ông Thạch D, sinh năm 1957

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Kim Thị C (cũng là Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thạch H và cũng là người đại diện hợp pháp cho anh Thạch Hoàng T2) được quyền sử dụng diện tích đất là 7,5m² thuộc một phần của thửa 2893 và 3,5m² thuộc một phần của thửa 2377 (do ông Thạch T đứng tên Quyền sử dụng đất), cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Thực tế hộ bà Kim Thị C đang trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất 11m².

** Phần đất diện tích 7,5 m² thuộc thửa 2893 (Thuộc phần B theo sơ đồ khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh - Chi nhánh huyện Trà Cú ngày 25/10/2023) có tứ cận như sau:*

- Phía Đông giáp phần còn lại của thửa 2893 có kích thước 29,54m (từ điểm số 03 đến điểm số 07) .
- Phía Tây giáp thửa 2374 có kích thước 29,56m (từ điểm số 02 đến điểm số 08).
- Phía Bắc giáp đường nhựa có kích thước 0,2m (từ điểm số 02 đến điểm số 03).
- Phía Nam giáp thửa 2377 có kích thước 0,3m (từ điểm số 08 đến điểm số 07).

** Phần đất diện tích 3,5 m² thuộc thửa 2377 (Thuộc phần E theo sơ đồ khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh - Chi nhánh huyện Trà Cú ngày 25/10/2023) có tứ cận như sau:*

- Phía Đông giáp thửa 2377 có kích thước 23,05m (từ điểm số 07 đến điểm số 11) .
- Phía Tây giáp thửa 2376 có kích thước 23,04m (từ điểm số 08 đến điểm số 11) .
- Phía Bắc giáp thửa 2893 có kích thước 0,3m (từ điểm số 07 đến điểm số 08).
- Phía Nam điểm giao nhau số 11 (thửa 2377 và 2376).

2.2. Phần đất thuộc thửa 2893, loại đất nuôi trồng thủy sản và thửa 2377, loại đất trồng cây hàng năm khác, cùng tờ bản đồ 6, đất tọa lạc tại ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (do ông Thạch T đang sử dụng) không tranh chấp có tứ cận như sau:

** Đối với thửa 2893;*

- Phía Đông giáp thửa 2063 có kích thước 29,26m (từ điểm số 04 đến điểm số 05) và giáp thửa 945 có kích thước 0,5m (từ điểm số 05 đến điểm số 06).
- Phía Tây giáp phần còn lại của thửa 2893 có kích thước 29,54m (từ điểm số 03 đến điểm số 07).
- Phía Bắc giáp đường nhựa có kích thước 11,4m (từ điểm số 03 đến điểm số 04).

- Phía Nam giáp thửa 2377 gồm 02 đoạn có kích thước 10,7m (từ điểm số 07 đến điểm số 06) và đoạn có kích thước 0,5m (từ điểm số 06 đến điểm số 05).

** Đối với thửa 2377;*

- Phía Đông giáp thửa 945 có kích thước 23,86m (từ điểm số 06 đến điểm số 12).

- Phía Tây giáp phần còn lại của thửa 2377 có kích thước 23,05m (từ điểm số 07 đến điểm giao nhau số 11).

- Phía Bắc giáp thửa 2893 gồm 02 đoạn có kích thước 10,7m (từ điểm số 07 đến điểm số 06) và đoạn có kích thước 0,5m (từ điểm số 06 đến điểm số 05).

- Phía Nam giáp thửa 946 có kích thước 11 m (từ điểm số 11 đến điểm số 12).

3. Phần đất thuộc thửa 2374, loại đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt và thửa 2376, loại đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ 6, đất tọa lạc tại ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (do hộ ông Thạch H đang sử dụng) không tranh chấp có tứ cận như sau:

** Đối với thửa 2374;*

- Phía Đông giáp thửa 2893 có kích thước 29,56m (từ điểm số 02 đến điểm số 08).

- Phía Tây giáp thửa 949, 948 và 947 (từ điểm số 01 đến điểm số 09);

- Phía Bắc giáp đường nhựa có kích thước 11,4m (từ điểm số 01 đến điểm số 02).

- Phía Nam giáp thửa 2376 có kích thước 11,4m (từ điểm số 09 đến điểm số 8).

** Đối với thửa 2376;*

- Phía Đông giáp thửa 2377 có kích thước 23,04m (từ điểm số 08 đến điểm số 11).

- Phía Tây giáp thửa 947 có kích thước 22,22m (từ điểm số 09 đến điểm số 10);

- Phía Bắc giáp thửa 2374 có kích thước 11,4m (từ điểm số 09 đến điểm số 08) .

- Phía Nam giáp thửa 496 có kích thước 11,4m (từ điểm số 10 đến điểm số 11).

+ Đối với tài sản trên phần đất tranh chấp:

Phần nhà vệ sinh có tổng diện tích đất 1,76m² (ngang 0,55m; dài 2,2m), cột gạch, tường xây, gạch trát vữa, không quét vôi, mái lợp tole không trần, nền lát gạch men ... xây dựng trên phần đất thuộc một phần của thửa 2377, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Ông Thạch T thống nhất để gia đình bà Kim Thị C sử dụng cho đến khi nhà vệ sinh hư hỏng thì bà Kim Thị C sẽ di dời trả lại phần đất cho ông T quản lý sử dụng.

Về trách nhiệm của các bên: Hộ ông Thạch T và hộ bà Kim Thị C có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo ranh giới được xác định trong quyết định.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, cung cấp thông tin là: 3.892.000 đồng (*Ba triệu tám trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

Ông Thạch H (do người kế thừa quyền và nghĩa vụ là bà Kim Thị C, anh Kim Thành T2) phải chịu là 1.946.000 đồng (*Một triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*), đã giao nộp xong nên không phải nộp tiếp.

Ông Thạch T phải chịu 1.946.000 đồng (*Một triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*), đã giao nộp xong nên không phải nộp tiếp.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thạch T và ông Thạch H thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- CC THA huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên và đóng dấu)

Son Thị Sô Tha